

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

Tháng 8 năm 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 31

TR
TI
THA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Đại Phong	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Văn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Đạt Trung	Thành viên
Ông Trịnh Danh Nhưồng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Kiên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Ngọc Dung	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Thành Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Vũ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Đại Phong	Giám đốc
Ông Vũ Văn Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đạt Trung	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Danh Nhưồng	Phó Giám đốc

Đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Đại Phong - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG GIA SÚC HÀ NỘI

Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Đại Phong
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 14 tháng 08 năm 2017

17
ON
HH
1 T
N T
0
02



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 18.08/2017/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội được lập ngày 14 tháng 08 năm 2017, từ trang 5 đến trang 31 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “Báo cáo tài chính tổng hợp”) của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 - Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính quá khứ. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, xét trên phương diện tổng thể không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng hay không. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự khác trong đơn vị, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá bằng chứng thu thập được.

Các thủ tục được thực hiện trong dịch vụ soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin nhấn mạnh rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 200/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2017, đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 102.000.000.000 đồng lên thành 125.200.000.000 đồng. Số lượng cổ phần phát hành dự kiến là 2.320.000 cổ phần, dưới hình thức chào bán cho các cổ đông hiện hữu của Công ty. Công ty đang ghi nhận khoản vốn của Nhà nước số tiền 15.192.578.912 đồng (nhận tiền hỗ trợ của Công ty CP Đầu tư Nam Anh và Công ty CP Tập đoàn đầu tư P.H cho Công ty TNHH một thành viên Giống gia súc Hà Nội) dùng để tăng vốn điều lệ theo nghị quyết nêu trên vào chỉ tiêu "Vốn khác của chủ sở hữu" trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội cho năm tài chính từ ngày 01/04/2016 (ngày chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính tổng hợp trong báo cáo kiểm toán số 054/2017/HVAC-BCKiT ngày 20 tháng 3 năm 2017.



Nguyễn Như Phương

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021- 2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.876.874.286	32.869.888.359
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.201.480.391	21.224.761.106
1. Tiền	111		8.201.480.391	10.224.761.106
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	11.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.529.418.373	7.438.123.815
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.284.935.660	3.351.927.635
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	9.818.152.713	4.086.196.180
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(2.573.670.000)	-
III. Hàng tồn kho	140		6.110.397.279	4.207.003.438
1. Hàng tồn kho	141	V.5	6.110.397.279	4.207.003.438
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.578.243	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.6a	35.578.243	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.186.129.388	101.298.356.431
I. Tài sản cố định	220		94.959.348.325	86.647.426.588
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	79.435.162.225	71.123.240.488
- Nguyên giá	222		101.566.781.744	94.734.740.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.131.619.519)	(23.611.499.616)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	15.524.186.100	15.524.186.100
- Nguyên giá	228		15.524.186.100	15.524.186.100
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		984.161.720	433.501.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		984.161.720	433.501.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.952.016.600	13.952.016.600
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	13.952.016.600	13.952.016.600
IV. Tài sản dài hạn khác	260		290.602.743	265.412.243
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		290.602.743	265.412.243
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		140.063.003.674	134.168.244.790

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.384.184.672	18.309.362.876
I. Nợ ngắn hạn	310		18.573.001.472	17.388.150.758
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	3.084.282.753	1.419.042.415
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		286.100.000	349.305.107
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.6b	608.243.789	1.104.613.369
4. Phải trả người lao động	314		230.343.900	22.424.100
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.11a	2.316.049.797	2.329.778.446
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	6.642.855.660	7.521.178.248
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	5.300.000.000	4.500.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		106.058.000	106.058.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(932.427)	35.751.073
II. Nợ dài hạn	330		2.811.183.200	921.212.118
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.11b	-	121.212.118
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	11.183.200	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	2.800.000.000	800.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.678.819.002	115.858.881.914
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	117.137.088.002	117.569.598.814
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		102.000.000.000	102.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		102.000.000.000	102.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.811.560	28.811.560
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		15.192.579.381	15.192.579.381
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.018.387	62.018.387
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(146.321.326)	286.189.486
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		257.589.486	29.835.897
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(403.910.812)	256.353.589
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.541.731.000	(1.710.716.900)
1. Nguồn kinh phí	431	V.15	1.541.731.000	(1.710.716.900)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		140.063.003.674	134.168.244.790



Nguyễn Thị Phương Linh
 Người lập biểu
 Ngày 14 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thế Ân
 Kế toán trưởng




 Bùi Đại Phong
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12.015.499.826
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	115.060.667
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	11.900.439.159
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11.905.033.091
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.593.932)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	188.892.822
7. Chi phí tài chính	22		16.666.667
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.666.667
8. Chi phí bán hàng	25		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	4.408.934.720
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.241.302.497)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	6.641.515.032
12. Chi phí khác	32	VI.6	2.804.123.347
13. Lợi nhuận khác	40		3.837.391.685
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(403.910.812)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(403.910.812)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(40)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(40)

Nguyễn Thị Phương Linh
Người lập biểu
Ngày 14 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Thế Ân
Kế toán trưởng



Bùi Đại Phong
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	11.370.214.074
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(9.440.658.919)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.925.133.112)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(16.666.667)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(78.901.680)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	17.313.780.408
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.708.792.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.486.158.573)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(12.056.467.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.530.452.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	188.892.822
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.337.122.142)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.800.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.023.280.715)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.224.761.106
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.201.480.391


Nguyễn Thị Phương Linh
Người lập biểu
Ngày 14 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Thế Ân
Kế toán trưởng



Bùi Đại Phong
Chủ tịch Hội đồng quản trị

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Giống gia súc Hà Nội theo Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100114145 thay đổi lần thứ 6 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 04 năm 2016.

Công ty có vốn điều lệ là 102.000.000.000 đồng tương ứng với 10.200.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng 1 cổ phần. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 đơn vị hạch toán độc lập là Xí nghiệp Xây dựng số 1- Công ty Cổ phần Giống gia súc Hà Nội. Trụ sở đặt tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Chăn nuôi trâu, bò; Chăn nuôi lợn; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi. Chi tiết: Các hoạt động liên quan đến thụ tinh nhân tạo; Sản xuất và lưu trữ tinh trùng bò, lợn; Sản xuất và lưu trữ phôi bò; Sản xuất và lưu trữ trứng giống;
- Chế biến sữa và các hoạt động từ sữa; Hoạt động thú y (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Chăn nuôi gia cầm. Chi tiết: hoạt động chăn nuôi gà lấy thịt, lấy trứng; chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng lấy thịt và trứng; nuôi đà điểu, chim cú, chim bồ câu;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (không bao gồm dịch vụ phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh, kích thích tăng trưởng, bảo hiểm cây trồng);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Phá dỡ; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa được phân vào đâu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Xây dựng công trình công ích; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật khác có liên quan;
- Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: giáo dục dạy nghề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Chi tiết: chế biến và đóng hộp thịt; giết, mổ, đóng gói, bảo quản thịt trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, thỏ, các loại gia cầm, lạc đà...; sản xuất thịt ướp lạnh, đông lạnh, thịt tươi dạng tấm, cắt nhỏ hoặc từng phần riêng; Chế biến, bảo quản thủy sản; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Chi tiết: hoạt động bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; quản lý đường bộ, cầu, hầm, bãi xe ô tô, xe đạp, xe máy.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, tùy thuộc vào các sản phẩm của Công ty.

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Công ty chính thức chuyển từ Công ty TNHH MTV (DNNN) sang Công ty Cổ phần kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2016, do vậy Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 không có số liệu so sánh do không có kỳ kế toán tương ứng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động]. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định là đàn bò và đàn lợn được theo dõi riêng từng đàn theo năm và theo số hiệu gắn trên tai.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	06 - 10
Đàn gia súc	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng,... tại 142.046 m² đất tại xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội theo quyết định số 5569/QĐ-STC ngày 06/12/2011 của Sở tài chính Hà Nội về việc “Quyết toán dự án Xây dựng trại lợn giống ông bà tại xã Kiều Kị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội”. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI

Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a-DN*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.379.528.099	2.586.127.913
Tiền gửi ngân hàng	6.821.952.292	7.638.633.193
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	12.201.480.391	21.224.761.106

Các khoản tương đương tiền là hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Từ Liêm từ ngày 05/05/2017 đến ngày 05/08/2017, số tiền 4 tỷ đồng, lãi suất 4,8%/năm.

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội	3.173.400.000	-
Dự án tinh dịch lợn	-	2.263.364.560
Công ty TNHH Bao bì Công nghệ sạch	-	550.000.000
Các khách hàng khác	1.111.535.660	538.563.075
Cộng	4.284.935.660	3.351.927.635

3. PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	255.000.000	-
Tạm ứng	4.115.137.200	1.808.000.000
Phải thu khác	5.448.015.513	2.278.196.180
Cộng	9.818.152.713	4.086.196.180

4. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	30/06/2017		Dự phòng
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Công ty Cổ phần Tân Phú Long	4.601.840.000	4.601.840.000	2.573.670.000
Cộng	4.601.840.000	4.601.840.000	2.573.670.000

Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu khác theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán nhưng vẫn có khả năng thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI

Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	934.586.889	-	744.989.173	-
Công cụ, dụng cụ	95.127.257	-	99.131.257	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.693.713.133	-	3.362.883.008	-
Thành phẩm	386.970.000	-	-	-
Cộng	6.110.397.279	-	4.207.003.438	-

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2017	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản thuế phải thu Nhà nước				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	35.578.243	35.578.243
Cộng	-	-	35.578.243	35.578.243
b. Các khoản thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	370.161.479	651.018.209	1.066.977.284	786.120.554
Thuế thu nhập doanh nghiệp	238.082.310	-	78.901.680	316.983.990
Thuế thu nhập cá nhân	-	24.151.290	25.660.115	1.508.825
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.054.131.469	1.054.131.469	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	608.243.789	1.733.300.968	2.229.670.548	1.104.613.369

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI

Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Đàn gia súc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2017	62.281.482.344	10.855.897.199	3.011.480.600	348.391.000	18.237.488.961	94.734.740.104
Mua trong kỳ	-	12.423.268.000	-	41.500.000	-	12.464.768.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	937.324.000	64.516.000	-	-	1.474.000.000	2.475.840.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(741.300.600)	-	(7.367.265.760)	(8.108.566.360)
Tại ngày 30/06/2017	63.218.806.344	23.343.681.199	2.270.180.000	389.891.000	12.344.223.201	101.566.781.744
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2017	10.905.880.057	5.942.368.243	1.245.925.155	115.740.349	5.401.585.812	23.611.499.616
Khấu hao trong kỳ	1.378.192.138	693.792.139	126.322.925	26.143.360	1.168.899.939	3.393.350.501
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(692.870.225)	-	(4.180.360.373)	(4.873.230.598)
Tại ngày 30/06/2017	12.284.072.195	6.636.160.382	679.377.855	141.883.709	2.390.125.378	22.131.619.519
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	51.375.602.287	4.913.528.956	1.765.555.445	232.650.651	12.835.903.149	71.123.240.488
Tại ngày 30/06/2017	50.934.734.149	16.707.520.817	1.590.802.145	248.007.291	9.954.097.823	79.435.162.225

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 13.636.564.699 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng,... tại 142.046 m² đất tại xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội theo quyết định số 5569/QĐ-STC ngày 06/12/2011 của Sở tài chính Hà Nội về việc “Quyết toán dự án Xây dựng trại lợn giống ông bà tại xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội”. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	30/06/2017				01/01/2017			
	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống	30%	30%	1.552.016.600	(*)	30%	30%	1.552.016.600	(*)
Công ty Cổ phần Nhà Mỹ Đình	20%	20%	12.400.000.000	(*)	20%	20%	12.400.000.000	(*)
Cộng			13.952.016.600	-			13.952.016.600	-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI

Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09A-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	688.377.423	688.377.423	617.884.122	617.884.122
Công ty TNHH XNK Thương mại và dịch vụ Đại Dương	614.983.400	614.983.400	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Trọng Thanh	222.312.500	222.312.500	237.184.000	237.184.000
Công ty CP Sản xuất và thương mại Phú Tài	286.119.310	286.119.310	189.254.800	189.254.800
Công ty TNHH Thương mại và vận tải Thiên Thành	546.871.600	546.871.600	-	-
Các khách hàng khác	725.618.520	725.618.520	374.719.493	374.719.493
Cộng	3.084.282.753	3.084.282.753	1.419.042.415	1.419.042.415
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	688.377.423	688.377.423	617.884.122	617.884.122
Cộng	688.377.423	688.377.423	617.884.122	617.884.122

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG GIA SỨC HÀ NỘI

Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09A-DN*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN, DÀI HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Hợp đồng cho thuê nhà xưởng tại Văn phòng	239.548.482	515.070.654
Hợp đồng cho thuê nhà xưởng tại Xí nghiệp	2.076.501.315	1.814.707.792
Cộng	2.316.049.797	2.329.778.446
b) Dài hạn		
Hợp đồng cho thuê nhà xưởng tại Xí nghiệp	-	121.212.118
Cộng	-	121.212.118

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	57.695.800	-
Bảo hiểm xã hội	106.091.211	174.504.436
Bảo hiểm y tế	18.412.714	34.679.404
Bảo hiểm thất nghiệp	9.879.500	15.415.859
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.450.776.435	7.296.578.549
Cộng	6.642.855.660	7.521.178.248
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.183.200	-
Cộng	11.183.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG GIA SÚC HÀ NỘI

Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09A-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN, DÀI HẠN

	30/06/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
a. Vay và nợ ngắn hạn	4.300.000.000	4.300.000.000	-	200.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Nguyễn Ngọc Kiên	800.000.000	800.000.000	-	200.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng Holdings (*)	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Anh	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư P.H	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.000.000.000	1.000.000.000			-	-
Vay và nợ ngắn hạn + Nợ dài hạn đến hạn trả	5.300.000.000	5.300.000.000			4.500.000.000	4.500.000.000
b. Vay và nợ dài hạn	3.800.000.000	3.800.000.000	3.000.000.000	-	800.000.000	800.000.000
Nguyễn Đình Công	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Phan Thanh Hoa	700.000.000	700.000.000	-	-	700.000.000	700.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Từ Liêm (**)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)			-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Từ Liêm	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)			-	-
Vay và nợ dài hạn	2.800.000.000	2.800.000.000			800.000.000	800.000.000

(*) Vay theo hợp đồng số 98a/2015/HĐVV giữa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hà Nội và Công ty CP Xây dựng Phục Hưng Holdings ngày 02/11/2015. Tổng số tiền vay là 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng từ ngày vay đến ngày 30/04/2016. Lãi suất cho vay 0%. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(**) Vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Từ Liêm theo hợp đồng tín dụng số 3100LAV-2017-01353 ngày 31/05/2017. Tổng tiền vay tối đa là 5 tỷ đồng. Tiền vay sử dụng để mua máy móc, thiết bị của dự án "Dựng trạm thụ tinh nhân tạo sản xuất tinh bò chất lượng cao tại xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội". Thời hạn cho vay là 36 tháng từ ngày 31/05/2017. Kỳ hạn trả nợ gốc 3 tháng 1 lần, mỗi lần 250 triệu đồng. Lãi trả theo tháng vào ngày cuối tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 9,2%/ năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi gốc. Để thế chấp cho khoản vay này, Công ty sử dụng ô tô Toyota biển kiểm soát 30E-577.71 và toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị kiểm tra khai thác đóng gói sản xuất tinh trùng bò dạng cọng rạ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG GIA SÚC HÀ NỘI

Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B 09A-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/04/2016	47.177.737.451	-	-	5.461.674.515	366.563.390	29.835.897	47.753.525.793	100.789.337.046
Vốn góp tăng trong kỳ	54.822.262.549	28.811.560	15.192.579.381	-	-	-	-	70.043.653.490
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	256.353.589	-	256.353.589
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	(5.461.674.515)	(304.545.003)	-	(47.753.525.793)	(53.519.745.311)
Số dư tại ngày 01/01/2017	102.000.000.000	28.811.560	15.192.579.381	-	62.018.387	286.189.486	-	117.569.598.814
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	(403.910.812)	-	(403.910.812)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(28.600.000)	-	(28.600.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	102.000.000.000	28.811.560	15.192.579.381	-	62.018.387	(146.321.326)	-	117.137.088.002

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn Nhà nước	66.389.000.000	66.389.000.000
Các cổ đông khác	35.611.000.000	35.611.000.000
Cộng	102.000.000.000	102.000.000.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

c) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.200.000	10.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.200.000	10.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.200.000	10.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.200.000	10.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

15. NGUỒN KINH PHÍ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND
Nguồn kinh phí đầu kỳ	(1.710.716.900)
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	10.678.958.000
Chi sự nghiệp	7.426.510.100
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	1.541.731.000

Nguồn kinh phí của Ủy ban Nhân dân TP Hà Nội cấp cho Công ty để thực hiện dự án "Ứng dụng kết quả nghiên cứu lai tạo giống bò BBB trên nền đàn bò thịt lai Sind thành đàn bò lai F1 hướng thịt trên địa bàn thành phố Hà Nội" theo quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 10/2/2012 và mở rộng dự án này theo quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 11/3/2014. Thời gian thực hiện từ năm 2012 đến năm 2018. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 950.179.797.000 đồng, trong đó vốn của hộ dân và doanh nghiệp là 859.728.434.000 đồng, vốn ngân sách TP Hà Nội là 90.451.363.000 đồng.

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Tổ 15, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm. Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều phát sinh tại Hà Nội. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được phân làm các phòng, ban và chi quản lý hoạt động chăn nuôi bò, lợn cùng hoạt động xây dựng. Trong năm không có hoạt động xây dựng phát sinh. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.015.499.826
Trong đó:	
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	7.828.560.577
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng	3.630.488.249
Doanh thu hợp đồng xây lắp	-
Doanh thu trợ giá	556.451.000
Cộng	12.015.499.826
Các khoản giảm trừ doanh thu	115.060.667
- Giảm giá hàng bán	115.060.667
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.900.439.159

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	8.870.360.022
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng	3.034.673.069
Giá vốn hợp đồng xây lắp	-
Cộng	11.905.033.091

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	188.892.822
Cộng	188.892.822

4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.223.353.535
Chi phí khấu hao TSCĐ	132.555.068
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.573.670.000
Các khoản chi phí quản lý khác	479.356.117
Cộng	4.408.934.720

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Cho thuê mặt bằng	2.294.045.032
Tiền hỗ trợ tai nạn, bồi thường GPMB	1.773.500.000
Các khoản khác.	2.573.970.000
Cộng	6.641.515.032

6. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý, bán TSCĐ	1.704.883.127
Chi phí cho thuê mặt bằng	649.254.527
Các khoản khác	449.985.693
Cộng	2.804.123.347

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.445.039.871
Chi phí nhân công	4.488.545.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.393.350.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.122.996.788
Chi phí khác bằng tiền	1.008.165.513
Cộng	15.458.097.936

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	8.100.000.000	5.300.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	12.201.480.391	21.224.761.106
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	117.137.088.002	117.569.598.814
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.201.480.391	21.224.761.106
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.274.418.373	7.438.123.815
Đầu tư dài hạn	-	-
Các khoản ký quỹ	255.000.000	-
Cộng	23.730.898.764	28.662.884.921
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	8.100.000.000	5.300.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	9.738.321.613	8.940.220.663
Chi phí phải trả	-	-
Cộng	17.838.321.613	14.240.220.663

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2010/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2010/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty không chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.201.480.391	-	-	12.201.480.391
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.274.418.373	-	-	11.274.418.373
Các khoản ký quỹ	255.000.000	-	-	255.000.000
Cộng	23.730.898.764	-	-	23.730.898.764
Tại ngày 30/06/2017				
Các khoản vay	5.300.000.000	2.800.000.000	-	8.100.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	9.727.138.413	11.183.200	-	9.738.321.613
Cộng	15.027.138.413	2.811.183.200	-	17.838.321.613
Chênh lệch thanh khoản thuần	8.703.760.351	(2.811.183.200)	-	5.892.577.151

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.224.761.106	-	-	21.224.761.106
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.438.123.815	-	-	7.438.123.815
Cộng	28.662.884.921	-	-	28.662.884.921
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán và phải trả khác	8.940.220.663	-	-	8.940.220.663
Các khoản vay	4.500.000.000	800.000.000	-	5.300.000.000
Cộng	13.440.220.663	800.000.000	-	14.240.220.663
Chênh lệch thanh khoản thuần	15.222.664.258	(800.000.000)	-	14.422.664.258

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan trong kỳ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Bán hàng	
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	575.762.577
Cộng	575.762.577
Mua hàng	
Công ty CP Dịch vụ và Truyền giống gia súc	688.377.423
Cộng	688.377.423

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ 6 tháng đầu năm 2017 như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	308.514.171
Cộng	308.514.171

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại và các thuyết minh tương ứng ngày 30 tháng 06 năm 2017 là số liệu báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại để có thể so sánh, chi tiết như sau:

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2016	Phân loại lại	01/01/2017
Tài sản cố định	220	58.432.874.897	28.214.551.691	86.647.426.588
Tài sản cố định hữu hình	221	42.908.688.797	28.214.551.691	71.123.240.488
- Nguyên giá	222	63.987.458.871	30.747.281.233	94.734.740.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(21.078.770.074)	(2.532.729.542)	(23.611.499.616)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13.952.016.600	-	13.952.016.600
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	1.552.016.600	12.400.000.000	13.952.016.600
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12.400.000.000	(12.400.000.000)	-
Tài sản dài hạn khác	260	28.479.963.934	(28.214.551.691)	265.412.243
Chi phí trả trước dài hạn	261	28.479.963.934	(28.214.551.691)	265.412.243

NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2016	Phân loại lại	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300	14.596.977.809	3.712.385.067	18.309.362.876
Nợ ngắn hạn	310	13.675.765.691	3.712.385.067	17.388.150.758
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	3.079.778.446	(750.000.000)	2.329.778.446
Phải trả ngắn hạn khác (*)	319	3.058.793.181	4.462.385.067	7.521.178.248
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	119.571.266.981	(3.712.385.067)	115.858.881.914
Vốn chủ sở hữu	410	122.031.983.881	(4.462.385.067)	117.569.598.814
Vốn khác của chủ sở hữu (*)	414	19.654.964.448	(4.462.385.067)	15.192.579.381
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	(2.460.716.900)	750.000.000	(1.710.716.900)
Nguồn kinh phí	431	(2.460.716.900)	750.000.000	(1.710.716.900)

(*) Phân loại lại các khoản phải trả Nhà nước số tiền 3.562.385.067 đồng và tiền thu để xây dựng lò mổ tại xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội theo QĐ85/QĐ-CT của TGD Công ty CP Giống gia súc Hà Nội số tiền 900.000.000 đồng từ khoản mục “Vốn khác của chủ sở hữu” sang khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác”.

Công ty chính thức chuyển từ Công ty TNHH MTV (DNNN) sang Công ty Cổ phần kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2016, do vậy Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 không có số liệu so sánh do không có kỳ kế toán tương ứng.



Nguyễn Thị Phương Linh
Người lập biểu
Ngày 14 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thế Ân
Kế toán trưởng




Bùi Đại Phong
Chủ tịch HĐQT